

## NHẬN ĐỊNH ĐÚNG – SAI? GIẢI THÍCH?

1. Mọi quy tắc xử sự tồn tại trong xã hội có nhà nước đều là pháp luật.

**Sai.** Các quy tắc đó còn bao gồm quy phạm xã hội,...

2. Nhà nước ra đời, tồn tại và phát triển gắn liền với xã hội có giai cấp.

**Đúng.** Nhà nước mang bản chất giai cấp. Nó ra đời, tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp, là sản phẩm của đấu tranh giai cấp và do một hay một liên minh giai cấp nắm giữ.

3. Tùy vào các kiểu nhà nước khác nhau mà bản chất nhà nước có thể là bản chất giai cấp hoặc bản chất xã hội.

**Sai.** Nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp.

4. Nhà nước mang bản chất giai cấp có nghĩa là nhà nước chỉ thuộc về một giai cấp hoặc một liên minh giai cấp nhất định trong xã hội.

**Sai.** Nhà nước mang bản chất giai cấp, nghĩa là nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác, là công cụ bạo lực để duy trì sự thống trị của giai cấp.

5. Nhà nước là một bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị tổ chức ra và sử dụng để thể hiện sự thống trị đối với xã hội.

**Đúng.** Nhà nước là một bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác, là công cụ bạo lực để duy trì sự thống trị của giai cấp.

6. Không chỉ nhà nước mới có bộ máy chuyên chế làm nhiệm vụ cưỡng chế, điều đó đã tồn tại từ xã hội cộng sản nguyên thủy.

**Sai.** Sự cưỡng chế trong xã hội cộng sản nguyên thủy không phải là một bộ máy chuyên chế, mà do toàn bộ thị tộc bộ lạc tổ chức.

7. Nhà nước là một bộ máy bạo lực do giai cấp thống trị tổ chức ra để trấn áp các giai cấp đối kháng.

**Đúng.** Từ sự phân tích bản chất giai cấp của nhà nước cho thấy: nhà nước là một bộ máy bạo lực do giai cấp thống trị tổ chức ra để chuyên chính các giai cấp đối kháng.

8. Nhà nước trong xã hội có cấp quản lý dân cư theo sự khác biệt về chính trị, tôn giáo, địa vị giai cấp.

**Sai.** Đặc điểm cơ bản của nhà nước là phân chia dân cư theo lãnh thổ, tổ chức thành các đơn vị hành chính-lãnh thổ trong phạm vi biên giới quốc gia.

*9. Trong ba loại quyền lực kinh tế, quyền lực chính trị, quyền lực tư tưởng thì quyền lực chính trị đóng vai trò quan trọng nhất vì nó đảm bảo sức mạnh cưỡng chế của giai cấp thống trị đối với giai cấp bị trị.*

**Sai.** Quyền lực kinh tế là quan trọng nhất, vì kinh tế quyết định chính trị, từ đó đảm bảo quyền áp đặt tư tưởng.

*10. Kiểu nhà nước là cách tổ chức quyền lực của nhà nước và những phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước.*

**Sai.** Kiểu nhà nước là tổng thể các đặc điểm cơ bản của nhà nước, thể hiện bản chất giai cấp, vai trò xã hội, những điều kiện tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.

*11. Chức năng lập pháp của nhà nước là hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật.*

**Sai.** Quyền lập pháp là quyền làm luật, xây dựng luật và ban hành những văn bản luật trên tất cả các lĩnh vực của xã hội.

*12. Chức năng hành pháp của nhà nước là mặt hoạt động nhằm đảm bảo cho pháp luật được thực hiện nghiêm minh và bảo vệ pháp luật trước những hành vi vi phạm.*

**Sai.** chức năng hành pháp bao gồm 2 quyền, quyền lập quy và quyền hành chính :

+ ) Quyền lập quy là quyền ban hành những văn bản dưới luật nhằm cụ thể luật pháp do cơ quan lập pháp ban hành

+ ) Quyền hành chính là quyền tổ chức tất cả các mặt các quan hệ xã hội bằng cách sử dụng quyền lực nhà nước.

*13. Chức năng tư pháp của nhà nước là mặt hoạt động bảo vệ pháp luật.*

**Sai.** Chức năng tư pháp là chức năng của nhà nước có trách nhiệm duy trì , bảo vệ công lý và trật tự pháp luật.

*14. Giai cấp thống trị đã thông qua nhà nước để xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội.*

**Đúng.** Do nắm quyền lực kinh tế và chính trị bằng con đường nhà nước, giai cấp thống trị đã xây dựng hệ tư tưởng của giai cấp mình thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội buộc các giai cấp khác bị lệ thuộc về tư tưởng.

**15. Chức năng xã hội của nhà nước là giải quyết tất cả các vấn đề khác nảy sinh trong xã hội.**

**Sai.** Chức năng xã hội của nhà nước chỉ thực hiện quản lý những hoạt động vì sự tồn tại của xã hội, thỏa mãn một số nhu cầu chung của cộng đồng.

**16. Lãnh thổ, dân cư là những yếu tố cấu thành nên một quốc gia.**

**Sai.** Các yếu tố cấu thành nên một quốc gia gồm có : Lãnh thổ xác định, cộng đồng dân cư ổn định, Chính phủ với tư cách là người đại diện cho quốc gia trong quan hệ quốc tế, Khả năng độc lập tham gia vào các quan hệ pháp luật quốc tế.

**17. Nhà nước là chủ thể duy nhất có khả năng ban hành pháp luật và quản lý xã hội bằng pháp luật.**

**Đúng.** Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự do nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát triển theo ý chí của nhà nước.

**18. Nhà nước thu thuế của nhân dân với mục đích duy nhất nhằm đảm bảo công bằng trong xã hội và tiền thuế nhằm đầu tư cho người nghèo.**

**Sai.** Nhà nước thu thuế của nhân dân nhằm :

- Tất cả mọi hoạt động của chính quyền cần phải có nguồn tài chính để chi (đầu tiên là nuôi bộ máy nhà nước); nguồn đầu tiên đó là các khoản thu từ thuế.

- Thuế là công cụ rất quan trọng để chính quyền can thiệp vào sự hoạt động của nền kinh tế bao gồm cả nội thương và ngoại thương.

- Chính quyền cung ứng các hàng hóa công cộng cho công dân, nên công dân phải có nghĩa vụ ủng hộ tài chính cho chính quyền (vì thế ở Việt Nam và nhiều nước mới có thuật ngữ "nghĩa vụ thuế").

- Giữa các nhóm công dân có sự chênh lệch về thu nhập và do đó là chênh lệch về mức sống, nên chính quyền sẽ đánh thuế để lấy một phần thu nhập của người giàu hơn và chia cho người nghèo hơn (thông qua cung cấp hàng hóa công cộng).

- Chính quyền có thể muốn hạn chế một số hoạt động của công dân (ví dụ hạn chế vi phạm luật giao thông hay hạn chế hút thuốc lá, hạn chế uống rượu) nên đánh thuế vào các hoạt động này.

- Chính quyền cần khoản chi tiêu cho các khoản phúc lợi xã hội và phát triển kinh tế.

- Rõ ràng rằng, tiền thuế không chỉ nhằm đầu tư cho người nghèo.

*19. Thông qua hình thức nhà nước biết được ai là chủ thể nắm quyền lực nhà nước và việc tổ chức thực thi quyền lực nhà nước như thế nào.*

**Sai.** Quyền lực nhà nước được hiểu là sự phản ánh cách thức tổ chức và phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước của mỗi kiểu nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định. Như vậy, để xác định những điều trên, ngoài hình thức nhà nước, phải xác định xem hình thái kinh tế xã hội ở đây là gì.

*20. Căn cứ chính thể của nhà nước, ta biết được nhà nước đó có dân chủ hay không.*

**Sai.** nhà nước dân chủ hay không chỉ căn cứ chính thể của nhà nước, mà còn căn cứ vào những điều được quy định trong hiến pháp và thực trạng của nhà nước đó.

*21. Chế độ chính trị là toàn bộ các phương pháp, cách thức thực hiện quyền lực của nhà nước.*

**Đúng.** Chế độ chính trị là toàn bộ phương pháp, thủ đoạn, cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước của mình.

*22. Chế độ chính trị thể hiện mức độ dân chủ của nhà nước*

**Sai.** Chế độ chính trị chỉ quyết định một phần mức độ dân chủ của nhà nước, ngoài ra mức độ đó còn phụ thuộc vào thực trạng của nhà nước đó.

*23. Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hình thức cấu trúc nhà nước đơn nhất.*

**Đúng.** Hình thức cấu trúc nhà nước CHXHCN VN là nhà nước đơn nhất, được Hiến pháp 1992 quy định tại điều 1: Nước CHXHCN VN là một nhà nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời.

*24. Cơ quan nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn mang tính quyền lực nhà nước.*

**Đúng.** Hoạt động của cơ quan nhà nước mang tính quyền lực và được đảm bảo bởi nhà nước.

*25. Bộ máy nhà nước là tập hợp các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương.*

**Đúng.** Bộ máy nhà nước là hệ thống các cơ quan nhà nước từ TW đến địa phương được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ và chức năng của nhà nước, vì lợi ích của giai cấp thống trị.

**26. Cơ quan nhà nước làm việc theo chế độ tập thể trước khi quyết định phải thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số.**

**Sai.** Cơ quan nhà nước hoạt động dựa trên các quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo của cơ quan cấp cao hơn.

**27. Quốc hội là cơ quan hành chính cao nhất của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

**Sai.** Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành của quốc hội.

**28. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân.**

**Đúng.** Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, do dân bầu ra và là cơ quan quyền lực nhất của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**29. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhất của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

**Đúng.** Theo hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, mà quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, do dân bầu ra nên đây là cơ quan quyền lực nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**30. Chủ quyền quốc gia là quyền độc lập tự quyết của quốc gia trong lĩnh vực đối nội.**

**Sai.** Chủ quyền quốc gia là quyền độc lập tự quyết của quốc gia cả trong lĩnh vực đối nội và đối ngoại.

**31. Chủ tịch nước không bắt buộc là đại biểu quốc hội.**

**Đúng.** Căn cứ điều 87 hiến pháp 2013, chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số các đại biểu quốc hội.

**32. Thủ tướng chính phủ do chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.**

**Sai.** Căn cứ điều 98 hiến pháp 2013, thủ tướng chính phủ do Quốc hội bầu trong số đại biểu quốc hội.

**33. Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, do nhân dân bầu ra.**

**Đúng.** Theo điều 1 luật Tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân (2003) Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

**34.** Ủy ban nhân dân địa phương có quyền ban hành nghị định, quyết định.

**Sai.** Nghị định là chủ trương đường lối chỉ do chính phủ ban hành.

**35.** Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân là hai cơ quan duy nhất có chức năng xét xử ở nước ta.

**Sai.** Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử.

**36.** Đảng cộng sản Việt Nam là một cơ quan trong bộ máy nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Sai.** Đảng cộng sản Việt Nam là tổ chức lãnh đạo Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**37.** Chỉ có pháp luật mới mang tính quy phạm.

**Sai.** Ngoài pháp luật, các quy phạm xã hội khác cũng mang tính quy phạm.

**38.** Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiện tính quy phạm phổ biến của pháp luật.

**Sai.** Tính quy phạm phổ biến của pháp luật thể hiện ở chỗ Pháp luật là những quy tắc sự chung, được coi là khuôn mẫu chuẩn mực đối với hành vi của một cá nhân hay tổ chức.

**39.** Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước, các cá nhân tổ chức ban hành.

**Sai.** Văn bản quy phạm nhà nước do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cá nhân có thẩm quyền ban hành.

**40.** Nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp như giáo dục thuyết phục, khuyến khích và cưỡng chế.

**Sai.** Nhà nước bảo đảm cho pháp luật bằng duy nhất biện pháp cưỡng chế.

**41.** Pháp luật Việt Nam thừa nhận tập quán, tiền lệ là nguồn chủ yếu của pháp luật.

**Sai.** Các văn bản quy phạm pháp luật là nguồn chủ yếu của pháp luật Việt Nam.

**42.** Pháp luật Việt Nam chỉ thừa nhận nguồn hình thành pháp luật duy nhất là các văn bản quy phạm pháp luật.

**Sai.** Ngoài các văn bản quy phạm pháp luật, nguồn của pháp luật còn bắt nguồn từ tiền lệ, tập quán, các quy tắc chung của quốc tế...

**43. Tập quán là những quy tắc xử sự được xã hội công nhận và truyền từ đời này sang đời khác.**

**Sai.** Tập quán chỉ được công đồng nơi tồn tại tập quán đó thừa nhận.

**44. Tiền lệ là những quy định hành chính và án lệ.**

**Sai.** Tiền lệ bao gồm hệ thống các án lệ, những vụ việc đã đc xét xử trước đó, được nhà nước xem là khuôn mẫu. Các quy định hành chính được nhà nước ban hành, không phải tiền lệ.

**45. Chủ thể pháp luật chính là chủ thể quan hệ pháp luật và ngược lại.**

**Sai.** Chủ thể pháp luật là Cá nhân, tổ chức có khả năng có quyền và nghĩa vụ pháp lý theo quy định của pháp luật. Chủ thể pháp luật khác với chủ thể quan hệ pháp luật. Để trở thành chủ thể pháp luật chỉ cần có năng lực pháp luật, nhưng để trở thành chủ thể của một quan hệ pháp luật cụ thể thì phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi pháp luật, tức là phải có khả năng tự mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

**46. Những quan hệ pháp luật mà nhà nước tham gia thì luôn thể hiện ý chí của nhà nước.**

**Đúng.** Nhà nước là chủ thể đặc biệt của những quan hệ pháp luật, do pháp luật do nhà nước đặt ra. Khi tham gia những quan hệ pháp luật, thì những quan hệ đó luôn luôn thể hiện ý chí của nhà nước.

**47. Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của các bên tham gia quan hệ.**

**Đúng.** Quan hệ pháp luật phản ánh ý chí của nhà nước và ý chí các bên tham gia quan hệ trong khuôn khổ ý chí của nhà nước.

**48. Công dân đương nhiên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**

**Sai.** Chủ thể của pháp luật còn có thể là các tổ chức có năng lực pháp lý.

**49. Cá nhân tham gia vào quan hệ pháp luật sẽ trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật.**

**Sai.** Muốn trở thành chủ thể của quan hệ pháp luật đó, cá nhân phải có năng lực hành vi.

**50. Năng lực hành vi của mọi cá nhân là như nhau.**

**Sai.** Năng lực hành vi của mỗi cá nhân có thể khác nhau, ví dụ người dưới 18 tuổi so với người từ 18 tuổi trở lên.

**51. Năng lực pháp luật của mọi pháp nhân là như nhau.**

**Sai.** Các pháp nhân được quy định năng lực pháp luật ở mức độ khác nhau, dựa trên quy định của pháp luật.

**52. Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do chủ thể đó tự quy định.**

**Sai.** Năng lực pháp luật của chủ thể là khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ do pháp luật quy định.

**53. Năng lực pháp luật của chủ thể trong quan hệ pháp luật phụ thuộc vào pháp luật của từng quốc gia.**

**Đúng.** Năng lực pháp luật của chủ thể do pháp luật quy định, mỗi pháp luật lại phụ thuộc vào quốc gia ban hành.

**54. “Năng lực hành vi của chủ thể” phụ thuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ của chủ thể.**

**Sai.** Nó không phụ thuộc vào trình độ của chủ thể.

**55. Chủ thể không có năng lực hành vi thì không thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.**

**Sai.** Chủ thể không có năng lực hành vi có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật thông qua người ủy quyền, người giám hộ...

**56. Năng lực pháp luật phát sinh kể từ khi các cá nhân được sinh ra.**

**Đúng.** Chỉ có năng lực pháp luật của cá nhân có từ khi người đó sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.

**57. Khi cá nhân bị hạn chế về năng lực pháp luật thì đương nhiên cũng bị hạn chế về năng lực hành vi.**

**Đúng.** Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự ( Điều 17 luật dân sự) do đó khi bị chế năng lực pháp luật, thì đương nhiên cũng bị hạn chế về năng lực hành vi.

**58. Năng lực pháp luật của nhà nước là không thể bị hạn chế.**

**Sai.** Năng lực pháp luật của nhà nước bị hạn chế bởi pháp luật.

**59. Nội dung của quan hệ pháp luật đồng nhất với năng lực pháp luật vì nó bao gồm quyền và nghĩa vụ pháp lý.**

**Sai.** Năng lực pháp luật xuất hiện từ lúc sinh, tuy nhiên quan hệ pháp luật phụ thuộc vào một số yếu tố khác(ví dụ đủ 18 tuổi mới có thể kết hôn...)



**60. Nghĩa vụ pháp lý của chủ thể chính là hành vi pháp lý.**

**Sai.** Nghĩa vụ pháp lý là những hành vi mà pháp luật quy định các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ phải thực hiện. Hành vi pháp lý là những sự kiện xảy ra theo ý chí của con người( VD hành vi trộm cắp... )

**61. Khách thể của quan hệ pháp luật là những yếu tố thúc đẩy cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ pháp luật.**

**Đúng.** Khách thể của quan hệ pháp luật là những lợi ích mà các chủ thể mong muốn đạt được khi tham gia vào quan hệ pháp luật đó.

**62. Sự kiện pháp lý là yếu tố thúc đẩy chủ thể tham gia vào các quan hệ pháp luật.**

**Sai.** Sự kiện pháp lý là những sự việc cụ thể xảy ra trong đời sống phù hợp với những điều kiện, hoàn cảnh đã được dự liệu trong một quy phạm pháp luật từ đó làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL cụ thể

**63. Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân.**

**Sai.** Các quan hệ pháp luật xuất hiện do ý chí các cá nhân, tuy nhiên cũng phải trong khuôn khổ ý chí của nhà nước.

**64. Đối với cá nhân, năng lực hành vi gắn với sự phát triển của con người và do các cá nhân đó tự quy định.**

**Sai.** Năng lực hành vi của mỗi cá nhân là do pháp luật quy định.

**65. Người bị hạn chế về năng lực hành vi thì không bị hạn chế về năng lực pháp luật.**

**Sai.** Người bị hạn chế về năng lực pháp luật cũng đồng thời bị hạn chế về năng lực hành vi.

**66. Người bị kết án tù có thời hạn chỉ bị hạn chế về năng lực hành vi, không bị hạn chế năng lực pháp luật.**

**Sai.** Những người này bị hạn chế về năng lực pháp luật (VD: không có năng lực pháp luật để ký kết hợp đồng kinh tế)

**67. Người say rượu là người có năng lực hành vi hạn chế.**

**Sai.** Người có năng lực hành vi hạn chế là người được tòa án tuyên bố bị hạn chế năng lực hành vi.

**68. Năng lực pháp luật có tính giai cấp, còn năng lực hành vi không có tính giai cấp.**

**Đúng.**

- NLPL là khả năng của cá nhân (thể nhân), pháp nhân (tổ chức, cơ quan) hưởng quyền và nghĩa vụ theo luật định. Do vậy, khả năng này chịu ảnh hưởng sâu sắc của tính giai cấp, và do đặc trưng giai cấp quyết định. Mỗi giai cấp cầm quyền sẽ có đặc trưng khác nhau, xây dựng một chế độ khác nhau nên sẽ trao cho công dân của mình những quyền và nghĩa vụ khác nhau.

- Còn NLHV (hay còn gọi là năng lực hành vi dân sự của cá nhân) là khả năng của một người, thông qua các hành vi của mình để xác lập hoặc/và thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự đối với người khác. Như vậy, có thể hiểu là năng lực hành vi dân sự gắn với từng người, mang tính cá nhân, phát sinh khi cá nhân mỗi người bằng khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, xác lập quan hệ với người hay tổ chức khác, nó không phụ thuộc vào đặc trưng giai cấp.

**69. Người đủ từ 18 tuổi trở lên là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**

**Sai.** Chủ thể của quan hệ pháp luật có thể là tổ chức có tư cách pháp nhân.

**70. Nhà nước là chủ thể của mọi quan hệ pháp luật.**

**Sai.** Chủ thể của các quan hệ pháp luật có thể là các cá nhân có đầy đủ năng lực, hoặc các tổ chức có tư cách pháp nhân.

**71. Nghĩa vụ pháp lý đồng nhất với hành vi pháp lý của chủ thể.**

**Sai.** Nghĩa vụ pháp lý là những điều được quy định trong văn bản pháp lý. Hành vi pháp lý là những hành vi xảy ra phụ thuộc vào ý chí của cá nhân (có thể phù hợp hoặc vi phạm văn bản pháp lý)

**72. Chủ thể của hành vi pháp luật luôn là chủ thể của quan hệ pháp luật và ngược lại.**

**Sai.** các quan hệ pháp luật chỉ xuất hiện khi có sự kiện pháp lý chủ thể của hành vi pháp luật thì không.

**73. Năng lực pháp luật của người đã thành niên thì rộng hơn người chưa thành niên.**

**Sai.** Năng lực pháp luật của mọi người là như nhau, xuất hiện từ khi ra đời (trừ khi bị hạn chế bởi pháp luật).

*74. Năng lực pháp luật của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật.*

**Đúng.** NLPL của các cá nhân chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật mà nội dung của nó phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội...

*75. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều là những hành vi trái pháp luật.*

**Đúng.** Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, vi phạm những quy định trong các quy phạm pháp luật, gây thiệt hại cho xã hội.

*76. Mọi biện pháp cưỡng chế của nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý.*

**Đúng.** Trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với các biện pháp cưỡng chế nhà nước được quy định trong phần chế tài của các quy phạm pháp luật. Đây là điểm khác biệt giữa trách nhiệm pháp lý với các biện pháp cưỡng chế khác của nhà nước như bắt buộc chữa bệnh, giải phóng mặt bằng...

*77. Những quan điểm tiêu cực của chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài (mặt khách quan) của vi phạm pháp luật.*

**Sai.** Biểu hiện của vi phạm pháp luật phải là những hành vi, không phải quan điểm.

*78. Hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật gây ra đều phải là sự thiệt hại về vật chất.*

**Sai.** Hậu quả do hành vi trái pháp luật gây ra có thể là thiệt hại về mặt vật chất, tinh thần hoặc những thiệt hại khác cho xã hội.

*79. Sự thiệt hại về vật chất là dấu hiệu bắt buộc của vi phạm pháp luật.*

**Sai.** Nó còn có thể là thiệt hại về tinh thần.

*80. Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể chịu đồng thời nhiều trách nhiệm pháp lý.*

**Đúng.** Ví dụ một người phạm tội vừa có thể bị phạt tiền, vừa có thể phải ngồi tù, tùy theo loại, mức độ vi phạm và các tình tiết tăng nặng.

*81. Không thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không bị xem là có lỗi.*

**Sai.** Đây là lỗi vô ý do cấu thả. Chủ thể không nhìn thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội trong điều kiện mà đáng lẽ ra phải thấy trước.

**82.** *Hành vi chưa gây thiệt hại cho xã hội thì chưa bị xem là vi phạm pháp luật.*

**Sai.** Hành vi mà gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội, được quy định trong các văn bản pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật.

**83.** *Phải là người đủ 18 tuổi trở lên thì mới được coi là chủ thể của vi phạm pháp luật.*

**Sai.** Chủ thể của hành vi vi phạm pháp luật có thể là bất cứ cá nhân tổ chức nào có năng lực trách nhiệm pháp lý.

**84.** *Sự thiệt hại thực tế xảy ra cho xã hội là dấu hiệu bắt buộc trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.*

**Sai.** Chỉ cần đe dọa gây thiệt hại cho xã hội cũng có thể là dấu hiệu trong mặt khách quan của vi phạm pháp luật.

**85.** *Một hành vi vừa có thể đồng thời là vi phạm pháp luật hình sự vừa là vi phạm pháp luật hành chính, nhưng không thể đồng thời là vi phạm pháp luật dân sự, vừa là vi phạm pháp luật hình sự*

**Sai.** Hành vi vi phạm hành chính thì chủ thể chưa cấu thành tội phạm, còn hành vi vi phạm pháp luật hình sự thì chủ thể là tội phạm, gây nguy hại hoặc đe dọa gây nguy hại cho xã hội.

**86.** *Trách nhiệm pháp lý là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật.*

**Sai.** Đây chỉ là định nghĩa trách nhiệm pháp lý theo hướng tiêu cực. Theo hướng tích cực, các biện pháp cưỡng chế hành chính nhằm ngăn chặn dịch bệnh không là bộ phận chế tài trong quy phạm pháp luật.

**87.** *Mọi biện pháp cưỡng chế của nhà nước đều là biện pháp trách nhiệm pháp lý và ngược lại.*

**Đúng.** Biện pháp trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với biện pháp cưỡng chế của nhà nước.

**88.** *Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.*

**Sai.** Ví dụ : hành vi hiếp dâm là vi phạm pháp luật, nhưng trong đa số trường hợp, nếu nạn nhân báo đơn hoặc không tố giác thì chủ thể sẽ không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

**89.** *Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.*

**Sai.** Không phải tất cả hành vi trái pháp luật đều là vi phạm pháp luật. Vì chỉ có hành vi trái pháp luật nào được chủ thể thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mới có thể là hành vi vi phạm pháp luật. Dấu hiệu trái pháp luật mới chỉ là biểu hiện bên ngoài của hành vi. Để xác định hành vi vi phạm pháp luật cần xem xét cả mặt chủ quan của hành vi Nghĩa là xác định trạng

thái tâm lý của người thực hiện hành vi đó, xác định lỗi của họ. Bởi vì nếu một hành vi được thực hiện do những điều kiện và hoàn cảnh khách quan và chủ thể không thể ý thức được, từ đó không thể lựa chọn được cách xử sự theo yêu cầu của pháp luật thì hành vi đó không thể coi là có lỗi, không thể coi là vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó hành vi trái pháp luật của những người mất trí (tâm thần), trẻ em (chưa đến độ tuổi theo quy định của PL) cũng không được coi là VPPL vì họ không có khả năng nhận thức điều khiển được hành vi của mình.

**90.** *Quan điểm tiêu cực của các chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật.*

**Sai.** Biểu hiện của vi phạm pháp luật phải là những hành vi, không phải quan điểm.

**91.** *Mọi hậu quả do vi phạm pháp luật gây ra đều phải được thực hiện dưới dạng vật chất.*

**Sai.** Nó còn có thể hiện dưới dạng tổn hại tinh thần hoặc đe dọa tổn hại.

**92.** *Một vi phạm pháp luật không thể đồng thời gánh chịu nhiều loại trách nhiệm pháp lý.*

**Sai.** Một vi phạm pháp luật vẫn có thể vừa gánh trách nhiệm hành chính, vừa gánh trách nhiệm dân sự.

## GỢI Ý – TRẢ LỜI CÂU HỎI ÔN TẬP PHÁP LUẬT

### I. Nhận định Đúng – Sai. Giải thích

1. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mac – Lênin, Nhà nước là hiện tượng xã hội có tính vĩnh cửu, bất biến.

⇒ Sai, Trong hình thái kinh tế xã hội chủ nghĩa cộng sản không tồn tại nhà nước.

2. Theo chủ nghĩa Mac – Lênin, nguyên nhân hình thành nhà nước là do ba lần phân công lao động trong xã hội công xã nguyên thủy.

⇒ Sai, Tư hữu và phân chia giai cấp.

3. Khi lí giải nguồn gốc ra đời của Nhà nước, các học thuyết đều dựa trên việc phân tích tiền đề kinh tế, tiền đề xã hội cho sự ra đời của nhà nước.

⇒ Sai, Học thuyết về thần quyền, học thuyết gia trưởng, học thuyết khế ước xã hội không đề cập đến tiền đề kinh tế, xã hội.

4. Nhà nước xã hội chủ nghĩa tôn trọng tối đa quyền làm chủ của nhân dân nên không mang bản chất giai cấp.

⇒ Sai, Bất cứ nhà nước nào cũng mang tính giai cấp

5. Tùy vào các nhà nước khác nhau mà bản chất nhà nước có thể là bản chất giai cấp hay xã hội.

⇒ Sai, Bản chất nhà nước gồm tính giai cấp và tính xã hội.

6. Chức năng lập pháp của nhà nước là hoạt động xây dựng pháp luật và tổ chức thực thi pháp luật.

⇒ Sai, Tổ chức thực thi pháp luật do cơ quan hành pháp chịu trách nhiệm.

7. Trong chính thể cộng hòa tổng thống, Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, là nguyên thủ quốc gia còn Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ.

⇒ Sai, chỉ có trong chính thể cộng hòa lưỡng tính thì Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra, là nguyên thủ quốc gia còn Thủ tướng là người đứng đầu Chính phủ

8. Tại các quốc gia theo hình thức chính thể cộng hòa dân chủ đại nghị, cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, Nghị viện) và nguyên thủ quốc gia (Tổng thống, Chủ tịch nước) do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

⇒ Sai, Nguyên thủ quốc gia do cơ quan quyền lực nhà nước bầu ra.

9. Tại các nhà nước theo chế độ quân chủ, quyền lực nhà nước tập trung hoàn toàn trong tay người đứng đầu nhà nước đó.

⇒ Sai, trong nhà nước theo chế độ quân chủ hạn chế (quân chủ đại nghị), quyền lực nhà nước tập trung vào trong tay nghị viện/quốc hội

10. Các quốc gia theo hình thức chính thể quân chủ thì chế độ chính trị là phân dân chủ.

Thạc sĩ Hà Minh Ninh  
minhninh89@gmail.com

Tài liệu ôn tập môn học pháp luật đại cương – HKI 2017-2018 -KHTN

⇒ Sai, các quốc gia theo hình thức chính thể quân chủ hạn chế vẫn có chế độ chính trị dân chủ (Thái Lan, Nhật Bản, Anh)

11. Tại các quốc gia theo hình thức chính thể cộng hòa, mọi người dân đều có quyền tham gia bầu cử ra cơ quan quyền lực nhà nước.

⇒ Sai, Người đủ tuổi bầu cử mới có quyền tham gia bầu cử.

12. Tại các quốc gia theo hình thức cấu trúc nhà nước liên bang, mặc dù có hai hệ thống cơ quan nhà nước nhưng chỉ có một hệ thống pháp luật áp dụng chung cho toàn liên bang.

⇒ Sai, hệ thống pháp luật liên bang, hệ thống pháp luật mỗi bang.

13. Tại Việt Nam, mọi công dân đều có quyền bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

⇒ Sai, Người từ đủ 18 tuổi mới có quyền bầu cử.

14. Ở nước ta, người từ đủ 18 tuổi trở lên có thể ứng cử làm Đại biểu Quốc hội.

⇒ Sai, người từ đủ 21 tuổi trở lên mới có thể ứng cử làm ĐBQH

15. Ở nước ta, tất cả mọi người từ đủ 18 tuổi trở lên có quyền đi bầu cử đại biểu Quốc hội.

⇒ Sai, những người bị tước một số quyền công dân không có quyền đi bầu cử.

16. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là các cơ quan nhà nước.

⇒ Sai, Đảng CS là tổ chức chính trị, Đoàn TN là tổ chức chính trị xã hội.

17. Ở nước ta, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước, nắm trong tay quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

⇒ Sai, QH chỉ nắm quyền lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao...

18. Ở nước ta, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân cả nước.

⇒ Sai, HĐND là cơ quan QLNN ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của người dân địa phương

19. Quốc hội là cơ quan hành chính cao nhất của nước ta.

⇒ Sai, chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất.

20. Ở nước ta, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân cả nước.

⇒ Sai, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước

21. Ở nước ta, người đứng đầu Chính phủ là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

---

Thạc sĩ Hà Minh Ninh  
minhninh89@gmail.com

Tài liệu ôn tập môn học pháp luật đại cương – HKI 2017-2018 -KHTN

⇒ Sai, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

22. Ở nước ta, Chủ tịch Quốc hội là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

⇒ Sai, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

23. Ở nước ta, Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.

⇒ Đúng. “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.” Điều 94, HP 2013

24. Ở nước ta, các thành viên Chính phủ do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

⇒ Sai, phó thủ tướng do Quốc hội phê chuẩn, Chủ tịch nước bổ nhiệm

25. Ở nước ta, Chủ tịch nước phải là đại biểu Quốc hội.

⇒ Đúng

**Điều 87, HP 2013**

*Chủ tịch nước do Quốc hội bầu trong số đại biểu Quốc hội.*

*Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.*

*Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước.*

26. Ở nước ta, các thành viên Chính phủ đều phải là đại biểu Quốc hội.

⇒ Sai, phó thủ tướng, bộ trưởng không cần phải là đại biểu QH

27. Ở nước ta, Chủ tịch nước là người có quyền lực nhà nước cao nhất.

⇒ Sai, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

28. Ở nước ta, Thủ tướng Chính phủ do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

⇒ Sai, Thủ tướng do QH bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

29. Ở nước ta, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm.

⇒ Sai, chánh án, viện trưởng do QH bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm

30. Theo quy định của Hiến pháp 2013, trong cơ cấu tổ chức của Chính phủ thì chỉ duy nhất Thủ tướng chính phủ mới được là đại biểu Quốc hội.

⇒ Sai, các phó thủ tướng cũng có thể là đại biểu QH

31. Ở nước ta, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố.

⇒ Đúng, Điều 107, hiến pháp 2013, 1. Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

32. Ở nước ta, Viện kiểm sát nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng thực hành quyền công tố và xét xử các vụ án hình sự.

---

Thạc sĩ Hà Minh Ninh  
minhninh89@gmail.com



⇒ Sai, thẩm quyền xét xử thuộc Tòa án

33. Ở nước ta, Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử.

⇒ Đúng, “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” (Điều 102, Hiến pháp 2013).

34. Ở nước ta, Tòa án nhân dân là cơ quan duy nhất có chức năng xét xử và thi hành bản án, quyết định do mình ban hành.

⇒ Sai, “Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp” (Điều 102, Hiến pháp 2013).

35. Ở nước ta, Hội đồng nhân dân do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

⇒ Đúng, ..

36. Ở nước ta, Hội đồng nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân.

⇒ Sai, HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

37. Ở nước ta, Ủy ban nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương.

⇒ Sai, UBND là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương

38. Ở nước ta, Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan có quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng nảy sinh tại địa phương cấp đó.

⇒ Sai, thẩm quyền này thuộc về HĐND

39. Nguồn gốc ra đời của pháp luật và nhà nước là giống nhau.

⇒ Đúng, nguồn gốc tư hữu và giai cấp.

40. Pháp luật và nhà nước ra đời cùng một thời điểm.

⇒ Sai, nhà nước hình thành trước, pháp luật là công cụ điều chỉnh xã hội của nhà nước.

41. Pháp luật chỉ ra đời khi xã hội có sự tư hữu, phân hóa giai cấp và đấu tranh giai cấp.

⇒ Đúng, nguồn gốc pháp luật từ tư hữu và phân chia giai cấp

42. Pháp luật tồn tại song hành với sự tồn tại của nhà nước.

⇒ Đúng, vì pháp luật là công cụ quản lý xã hội của nhà nước và chỉ có nhà nước mới có thẩm quyền ban hành pháp luật.

43. Chỉ pháp luật mới mang tính quy phạm.

⇒ Sai, quy phạm tôn giáo, quy phạm đạo đức

44. Ngôn ngữ pháp lý rõ ràng, chính xác thể hiện tính cưỡng chế nhà nước của pháp luật.

⇒ Sai, tính cưỡng chế của pháp luật thể hiện qua quyền lực nhà nước bằng các tổ chức trấn áp công an, quân đội, nhà tù

45. Chỉ pháp luật mới mang tính cưỡng chế.

⇒ Sai, pháp luật có tính cưỡng chế mang bản chất quyền lực chính trị.

46. Chỉ pháp luật mới mang tính cưỡng chế nhà nước.

⇒ Đúng, pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng QLNN

47. Tập quán pháp là những tập quán thông thường của người dân trong cuộc sống hàng ngày.

⇒ Sai, là những tập quán thông thường của người dân trong cuộc sống hàng ngày được nhà nước thừa nhận và áp dụng.

48. Tập quán pháp không được thừa nhận tại Việt Nam.

⇒ Sai, Bộ luật dân sự 2015:

### “Điều 5. Áp dụng tập quán

1. Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự.

2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này”

49. Tiền lệ pháp không được thừa nhận tại Việt Nam.

⇒ Sai, khoản 3, Điều 45, Bộ luật tố tụng dân sự 2015

“Án lệ được Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong giải quyết vụ việc dân sự khi đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố.”

50. Văn bản quy phạm pháp luật là hình thức pháp luật duy nhất được thừa nhận tại Việt Nam.

⇒ Sai, PL Việt Nam thừa nhận tập quán pháp, tiền lệ pháp và văn bản QPPL

51. Mọi quy tắc xử sự tồn tại trong xã hội có nhà nước là quy phạm pháp luật.

⇒ Sai, chỉ có quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và được nhà nước đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước mới được coi là QPPL

52. Nhà nước ban hành pháp luật để điều chỉnh mọi quy tắc ứng xử của người dân trong cuộc sống hằng ngày.

⇒ Sai, nhà nước chỉ điều chỉnh các quan hệ xã hội phổ biến.

53. Một quy phạm pháp luật bắt buộc phải có ba bộ phận là giả định, quy định, chế tài.

⇒ Sai, có những QPPL chỉ có giả định và chế tài hoặc giả định và quy định.

54. Văn bản do cơ quan nhà nước ban hành là văn bản pháp luật.

Tài liệu ôn tập môn học pháp luật đại cương – HKI 2017-2018 -KHTN

⇒ Sai, văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo trình tự thủ tục luật định mới gọi là VBQPPL

55. Văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội.

⇒ Sai, Văn bản QPPL (*legislative documents*) là văn bản do CQNN có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự, hình thức luật định, trong đó có chứa các quy tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng QLNN để điều chỉnh các QHXX

56. Văn bản chứa đựng quy tắc xử sự chung cho mọi người là văn bản quy phạm pháp luật.

⇒ Sai, Văn bản QPPL (*legislative documents*) là văn bản do CQNN có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự, hình thức luật định, trong đó có chứa các quy tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện bằng QLNN để điều chỉnh các QHXX

57. Mọi cơ quan nhà nước đều có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⇒ Sai, chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL 2015

58. Chỉ có các cơ quan nhà nước mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⇒ Sai, chỉ có cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới có quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL 2015

59. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm Hiến pháp và các văn bản dưới luật.

⇒ Sai, hệ thống văn bản QPPL bao gồm văn bản QPPL có giá trị luật và văn bản QPPL có giá trị dưới luật (văn bản luật và văn bản dưới luật).

60. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

⇒ Sai, ngoài QH còn có Chính phủ, Viện KS ND TC, Tòa án ND TC....

61. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản luật.

⇒ Đúng, vì QH là cơ quan duy nhất có quyền ban hành văn bản QPPL có giá trị luật: Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Nghị quyết của QH.

62. Văn bản dưới luật là những văn bản pháp luật do Quốc hội và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền ban hành.

⇒ Sai, văn bản dưới luật và những văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước không phải là QH có thẩm quyền ban hành.

63. Văn bản dưới luật có giá trị pháp lý thấp hơn văn bản luật.

⇒ Đúng, vì các văn bản dưới luật phải tuân thủ quy định của văn bản luật, không được quy định trái với văn bản luật.

64. Các văn bản dưới luật có giá trị pháp lý tương đương nhau.

⇒ Sai, Thông tư của Bộ trưởng có giá trị pháp lý thấp hơn Nghị định của Chính phủ.

65. Việc ban hành Luật Thủ Đô thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

⇒ Sai, chỉ có QH mới có thẩm quyền ban hành Luật.

66. Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ là những văn bản luật.

⇒ Sai, văn bản luật là Hiến pháp, Luật, nghị quyết của QH.

67. Văn bản luật là văn bản chứa đựng các quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của nhà nước.

⇒ Sai, văn bản luật là văn bản do QH ban hành.

68. Chính phủ là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật là Nghị định.

⇒ Đúng, nghị định là văn bản QPPL do Chính phủ ban hành.

69. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật là Nghị quyết.

⇒ Sai, UBTVQH, HĐND cũng có thẩm quyền ban hành văn bản pháp luật là Nghị Quyết.

70. Quốc hội là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản luật là Nghị quyết.

⇒ Đúng, QH là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành Nghị quyết – văn bản luật.

71. Nghị quyết do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành là văn bản luật.

⇒ Sai, Nghị quyết của UBTVQH, Nghị quyết của HĐND các cấp là văn bản dưới luật.

72. Các quan hệ nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày là quan hệ pháp luật.

⇒ Sai, chỉ có những QHXXH được PL điều chỉnh mới trở thành QHPL

73. Mọi quan hệ nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày đều chịu sự chi phối của pháp luật.

⇒ Sai, có những QHXXH do đạo đức, tôn giáo điều chỉnh/ Chỉ có QHPL mới chịu sự chi phối của PL.

74. Chỉ quan hệ pháp luật mới mang tính ý chí của chủ thể tham gia.

⇒ Sai, các quan hệ xã hội đều mang tính ý chí của chủ thể tham gia.

75. Nếu không có quy phạm pháp luật điều chỉnh thì không có quan hệ pháp luật.

⇒ Đúng, vì QHPL là quan hệ xã hội do QPPL điều chỉnh

76. Năng lực chủ thể của các cá nhân khi tham gia vào một quan hệ pháp luật là giống nhau.

⇒ Sai, vì năng lực chủ thể gồm năng lực pháp luật (giống nhau) và năng lực hành vi (theo độ tuổi PL quy định)

77. Năng lực pháp luật của các cá nhân khác nhau là không giống nhau.

⇒ Sai, vì năng lực PL là khả năng các nhân có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

78. Năng lực hành vi của các cá nhân khác nhau là không giống nhau tùy thuộc vào độ tuổi của họ.

⇒ Đúng, tùy thuộc vào độ tuổi, cá nhân sẽ có năng lực hành vi khác nhau.

79. Năng lực hành vi có từ khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi họ đã chết.

⇒ Sai, năng lực pháp luật có từ khi cá nhân được sinh ra và chỉ mất đi khi họ đã chết

80. Năng lực hành vi của cá nhân có từ khi cá nhân đủ 18 tuổi.

⇒ Sai, cá nhân từ 6 – 18 tuổi có năng lực hành vi 1 phần.

81. Người từ đủ 18 tuổi trở lên mới có năng lực pháp luật đầy đủ.

⇒ Sai, năng lực PL là khả năng các nhân có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, xuất hiện khi cá nhân sinh ra và mất đi khi cá nhân chết.

82. Người từ đủ 18 tuổi trở lên là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

⇒ Sai, người từ đủ 18 tuổi trở lên và không bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; hạn chế năng lực hành vi dân sự thì mới có năng lực hành vi đầy đủ.

83. Người dưới 18 tuổi là người có năng lực hành vi dân sự hạn chế.

⇒ Sai, <6 tuổi là không có năng lực hành vi dân sự; từ đủ 6 tuổi đến 18 tuổi là có năng lực hành vi dân sự một phần.

84. Người dưới 18 tuổi là người có năng lực hành vi dân sự một phần.

⇒ Sai, từ đủ 6 tuổi đến 18 tuổi là có năng lực hành vi dân sự một phần.

85. Người bị khiếm thính, khiếm thị là người hạn chế năng lực hành vi dân sự.

⇒ Sai, Điều 24, Bộ luật dân sự 2015

**“Điều 24. Hạn chế năng lực hành vi dân sự**

*1. Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.*

*Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện.”*

86. Người uống rượu bia say là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

⇒ Sai, Điều 24, Bộ luật dân sự 2015

**“Điều 24. Hạn chế năng lực hành vi dân sự**

1. Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

Tòa án quyết định người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và phạm vi đại diện.”

87. Người từ đủ 18 tuổi trở lên bị bệnh tâm thần là người không có năng lực hành vi dân sự.

⇒ Sai, người dưới 6 tuổi là người không có năng lực hành vi dân sự.

88. Tư cách pháp nhân là tư cách con người theo quy định pháp luật của mọi tổ chức được thành lập trên lãnh thổ Việt Nam.

⇒ Sai, chỉ có tổ chức đủ 4 điều kiện theo quy định tại Điều 74, Bộ luật dân sự 2015 mới có tư cách pháp nhân

**“Điều 74. Pháp nhân**

1. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;

b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này;

c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.”

89. Tổ chức được thành lập hợp pháp là tổ chức có tư cách pháp nhân.

90. Sai, chỉ có tổ chức đủ 4 điều kiện theo quy định tại Điều 74, Bộ luật dân sự 2015 mới có tư cách pháp nhân

**“Điều 74. Pháp nhân**

1. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Được thành lập theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan;

b) Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật này;

c) Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình;

d) Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.”

91. Chỉ tổ chức có tư cách pháp nhân mới được tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

⇒ Sai, các tổ chức khác cũng được tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập (DNTN, Hộ gia đình, tổ hợp tác...)

92. Khi tham gia quan hệ pháp luật, Nhà nước bình đẳng với các chủ thể khác về quyền và nghĩa vụ.

⇒ Sai, trong quan hệ pháp luật hình sự, hành chính, nhà nước là một bên sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý xã hội bằng phương pháp quyền uy phục tùng.

93. Trong tất cả các quan hệ pháp luật mà Nhà nước tham gia, Nhà nước có địa vị pháp lý bình đẳng với các chủ thể khác.

⇒ Sai, trong quan hệ pháp luật hình sự, hành chính, nhà nước là một bên sử dụng quyền lực nhà nước để quản lý xã hội bằng phương pháp quyền uy phục tùng.

94. Trong quan hệ pháp luật dân sự, Nhà nước và các chủ thể khác bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ pháp lý.

⇒ Đúng, theo điều 97, Bộ luật dân sự 2015

**Điều 97. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương trong quan hệ dân sự**

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cơ quan nhà nước ở Trung ương, ở địa phương khi tham gia quan hệ dân sự thì bình đẳng với các chủ thể khác và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định tại Điều 99 và Điều 100 của Bộ luật này.

95. Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân là sự kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức lễ cưới tại gia đình.

⇒ Sai, sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ hôn nhân là sự kiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền

96. Ở nước ta, sự kiện pháp lý làm chấm dứt quan hệ hôn nhân là sự kiện Tòa án ra bản án, quyết định chấp nhận cho hai bên ly hôn.

⇒ Sai, bản án, quyết định phải có hiệu lực pháp luật (bản án sơ thẩm thì phải chờ 15 ngày để kháng cáo, kháng nghị)

**“Điều 57. Thời điểm chấm dứt hôn nhân và trách nhiệm gửi bản án, quyết định ly hôn**

*1. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.”*

97. Anh A đốt nến, lửa bắt vào rèm cửa gây cháy nhà anh A và một số nhà hàng xóm là sự biến pháp lý.

⇒ Sai, sự biến pháp lý là hiện tượng xảy ra không phụ thuộc vào ý chí của con người.

98. Hỏa hoạn, lũ lụt là sự biến pháp lý.

⇒ Sai, nếu hỏa hoạn, lũ lụt là sự việc do con người gây ra.

99. Mưa, gió, sấm, chớp là sự biến pháp lý.

⇒ Đúng, vì sự biến pháp lý là hiện tượng xảy ra không phụ thuộc vào ý chí của con người.

100. Cháy rừng là sự biến pháp lý.  
⇒ Sai, nếu cháy rừng do con người tạo ra
101. Hành vi trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật.  
⇒ Sai, hành vi vi phạm pháp luật đủ các điều kiện.  
Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ
102. Hành vi vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật.  
⇒ Đúng, Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ
103. Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra phải là thiệt hại về vật chất.  
⇒ Sai, Thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra phải là thiệt hại về vật chất và tinh thần
104. Hành vi trái với đạo đức, chuẩn mực thông thường trong xã hội là hành vi vi phạm pháp luật.  
⇒ Sai, Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ
105. Chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý mà thực hiện hành vi trái pháp luật thì vi phạm pháp luật.  
⇒ Sai, Vi phạm pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) trái pháp luật và có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm phạm đến các quan hệ xã hội được nhà nước xác lập và bảo vệ
106. Cấu thành của vi phạm pháp luật bao gồm mặt chủ thể, mặt chủ quan, chủ thể và khách thể của vi phạm pháp luật.  
⇒ Sai, Cấu thành vi phạm pháp luật gồm: chủ thể, mặt chủ quan, khách thể
107. Không biết trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không được coi là có lỗi.  
⇒ Sai, Không thấy trước hành vi có thể gây ra hậu quả mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước (vô ý vì cầu thả)
108. A đánh B gây thương tích thì khách thể bị xâm hại là B.  
⇒ Sai, khách thể là sức khỏe của B.



109. A có hành vi trộm cắp máy laptop của B thì khách thể bị xâm hại là cái máy laptop.

⇒ Sai, khách thể bị xâm hại là tài sản (laptop là đối tượng bị xâm hại)

110. C (tâm thần) dùng gậy đánh nhiều nhát vào người D là hành vi vi phạm pháp luật.

⇒ Sai, vì C không có năng lực trách nhiệm hình sự (bị mất năng lực hành vi)

111. N (13 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 250 triệu đồng) của gia đình ông P là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

⇒ Sai, N không thỏa điều kiện về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

112. M (15 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 50 triệu đồng) của gia đình ông Q là hành vi vi phạm pháp luật.

⇒ Đúng, vì hành vi của M đã cấu thành tội phạm hình sự thỏa điều kiện về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và giá trị tài sản bị trộm cắp.

113. M (15 tuổi) có hành vi trộm cắp tài sản (trị giá 50 triệu đồng) của gia đình ông Q là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

⇒ Đúng, thỏa điều kiện về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và giá trị tài sản bị trộm cắp.

114. Hành vi trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

⇒ Sai, Điều 173, Bộ luật hình sự 2015

**Điều 173. Tội trộm cắp tài sản**

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

115. Hậu quả là yếu tố bắt buộc phải có đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

⇒ Sai, đối với tội phạm có cấu thành tội phạm hình thức thì không cần hậu quả.

116. A (15 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

⇒ Đúng, xem xét vi phạm pháp luật hành chính.

117. A (13 tuổi) đánh B gây tổn hại 50% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

⇒ Sai, vì A không có năng lực trách nhiệm pháp lý (độ tuổi chưa đáp ứng điều kiện)

118. A (18 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật.

⇒ Đúng, có thể bị xem xét hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

119. A (18 tuổi) đánh B gây tổn hại 5% sức khỏe của B là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

⇒ Sai, Điều 134, Bộ luật hình sự 2015

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

120. Hành vi cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

⇒ Sai, Điều 134, Bộ luật hình sự 2015

Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

121. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ phải chịu một loại trách nhiệm pháp lý.

⇒ Sai, đồng thời phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự trong một số trường hợp.

122. Trách nhiệm hình sự là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất.

⇒ Đúng, biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước

123. Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời nhiều loại trách nhiệm pháp lý khác nhau.

⇒ Đúng, đồng thời phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự trong một số trường hợp.

124. Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời trách nhiệm pháp lý hình sự và hành chính.

⇒ Sai, nếu không cấu thành tội phạm thì chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính. Hoặc là cấu thành hành vi vi phạm hành chính/ cấu thành tội phạm hình sự.

125. Một hành vi vi phạm pháp luật có thể phải chịu đồng thời trách nhiệm pháp lý hình sự và dân sự.

⇒ Đúng,

126. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.

⇒ Sai, chủ thể phải có năng lực trách nhiệm pháp lý

127. Tòa án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật.

⇒ Sai, tòa án là cơ quan thực hiện quyền xét xử

128. Hiến pháp là văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lý tối cao trên lãnh thổ mỗi quốc gia.

Tài liệu ôn tập môn học pháp luật đại cương – HKI 2017-2018 -KHTN

⇒ Đúng, vì HP là đạo luật gốc, đạo luật cơ bản của 1 nhà nước.

129. Người làm việc trong cơ quan nhà nước là cán bộ, công chức nhà nước.

⇒ Sai, khái niệm cán bộ/công chức khác nhau mà còn có cả người lao động

130. Nếu xác định một hành vi vi phạm pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật hành chính thì không được áp dụng hình phạt đối với người vi phạm.

⇒ Đúng, hình phạt chỉ áp dụng với người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

131. Chỉ chủ sở hữu tài sản mới có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

⇒ Sai, những người chủ sở hữu giao quyền/ủy quyền/chuyển nhượng quyền cũng được quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

132. Chỉ có cha, mẹ đẻ, con đẻ của người để lại di sản mới được hưởng thừa kế của người đó theo quy định của pháp luật.

⇒ Sai, con nuôi, cha mẹ nuôi cũng thuộc hàng thừa kế thứ I

133. Con được hưởng thừa kế của cha mẹ phải là con của người vợ, người chồng hợp pháp.

⇒ Sai, con đẻ ở hàng thừa kế thứ I, không phân biệt con trong giá thú/ ngoài giá thú.

134. Cha, mẹ không được hưởng thừa kế của con nếu đã cho con làm con nuôi của người khác.

⇒ Sai, theo di chúc thì được hưởng theo ý chí của con/ theo pháp luật thì cha mẹ đẻ là người thừa kế ở hàng thừa kế thứ I.

135. Đứa trẻ đã được người khác nhận làm con nuôi theo đúng quy định của pháp luật thì không được hưởng thừa kế từ di sản do cha mẹ đẻ của mình để lại.

⇒ Sai, theo di chúc thì được hưởng theo ý chí của cha mẹ/ theo pháp luật thì con đẻ là người thừa kế ở hàng thừa kế thứ I.

136. Người thừa kế chỉ có thể là cá nhân.

⇒ Sai, người thừa kế theo di chúc có thể là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào theo ý chí của người để lại thừa kế.

137. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế là 10 năm kể từ thời điểm người để lại di sản chết.

⇒ Sai, tùy trường hợp thời hiệu là 10 năm/ 3 năm.

138. Người có tài sản không được lập di chúc để lại tài sản của mình cho người không có mối quan hệ huyết thống hoặc quan hệ hôn nhân.

⇒ Sai, người thừa kế theo di chúc có thể là bất kỳ cá nhân, tổ chức nào theo ý chí của người để lại thừa kế.

139. Ông A bị tai nạn giao thông ngày 01/4/2017. Ngày 02/5/2017, ông A có di chúc miệng hợp pháp để lại toàn bộ tài sản cho bà B. Ngày 05/8/2017 ông A chết. Trong trường hợp này, di sản của ông A được chia theo di chúc miệng ngày 02/5/2017.

⇒ Sai, sau 03 tháng di chúc miệng người để lại di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị hủy bỏ.

140. Độ tuổi để được kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình 2014 là nam, nữ phải từ 18 tuổi trở lên.

⇒ Sai, nữ từ đủ 18, nam từ đủ 20.

141. Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam cấm kết hôn giữa những người đồng giới.

⇒ Sai, Luật HNGĐ không thừa nhận hôn nhân giữa những người đồng giới.

142. Tất cả các tài sản có được trong quá trình hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng.

⇒ Sai, những tài sản được xác định là tài sản riêng/ tài sản mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản riêng thì là tài sản riêng của vợ/chồng.

143. Nếu người vợ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi thì chồng không được quyền yêu cầu ly hôn.

⇒ Sai, Khoản 3, Điều 51, Luật HNGĐ “Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.”

144. Khi vợ chồng ly hôn, việc giao nuôi dưỡng con chung sẽ được thực hiện theo nguyên tắc: con dưới 36 tháng tuổi sẽ được giao cho mẹ nuôi dưỡng, con trên 7 tuổi trở lên phải theo ý nguyện của con.

⇒ Đúng, theo Khoản 2, 3, Điều 81, Luật HNGĐ 2014

“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”

145. Con được sinh ra sau khi hai vợ chồng đã ly hôn thì không được coi là con chung của vợ chồng.

⇒ Sai, Khoản 1, Điều 88, Luật HNGĐ “Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân”.

146. Con được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân mặc nhiên được thừa nhận là con chung của vợ chồng.

⇒ Sai, trong trường hợp cha/mẹ không thừa nhận con theo xác định của Tòa án.

*CuuDuongThanCong.com*